

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày: 24-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Danh

Ông Nguyễn Thanh An

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Khải –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56A/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1989.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn Mỹ K, sinh năm 1988 (theo Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2024).

Cùng địa chỉ cư trú: 148 ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã R, tỉnh Tây Ninh).

- Bị đơn: Bà Lại Thị Tường V, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Tổ B, ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã P, tỉnh Tây Ninh).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: Tổ B, ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã P, tỉnh Tây Ninh).

(Ông K có mặt, bà V và ông T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thanh T và lời trình bày trong

quá trình giải quyết vụ án của ông Huỳnh Văn Mỹ K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có nội dung như sau:

Do quen biết nên ngày 12/02/2023, bà T có cho bà V vay số tiền 330.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 02 năm, mục đích vay bà T nghe nói để bà V giải quyết chuyện gia đình. Hết thời hạn vay bà T có nhiều lần đến liên hệ gặp bà V để lấy tiền nhưng bà V hứa hẹn nhưng không thực hiện.

Do đó bà T khởi kiện yêu cầu bà V trả số tiền nợ gốc 330.000.000đ. Về tiền lãi, bà T xác định lại yêu cầu bà V trả nợ lãi từ ngày 13/3/2025 đến ngày 29/5/2025 với mức lãi suất 0.83%/tháng là 6.966.000đ, tổng cộng cả gốc và lãi là 336.966.000đ. Đồng thời do đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của bà V và ông T1 nên bà T yêu cầu ông T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên với bà V.

Bị đơn bà Lại Thị Tường V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T1 trình bày:

Ông là chồng cũ của bà V, ông và bà V ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 381/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, nguyên nhân ly hôn do bà V gây nợ nần nên gia đình phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể tiếp tục chung sống. Đối với số nợ bà V vay của bà T, ông hoàn toàn không biết, ông không ký tên vào giấy vay tiền. Khi còn sống chung, bà V làm công nhân, ông cũng làm công nhân, tiền bạc không sử dụng chung nên ông cũng không biết bà V vay tiền để làm gì. Nay bà T khởi kiện thì ông không đồng ý liên đới với bà V trả nợ.

Tại phiên tòa,

Ông Huỳnh Văn Mỹ K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà V trả nợ, không yêu cầu ông T1 liên đới trả nợ. Về lãi suất, chỉ yêu cầu tính lãi suất theo quy định 0.83%/tháng từ ngày 13/3/2025 đến ngày xét xử là 11.960.300đ, tổng cộng cả gốc và lãi bà T yêu cầu bà V trả là 341.960.300đ. Khi nào án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn sẽ có đơn yêu cầu thi hành án để tính lãi sau.

Bị đơn bà Lại Thị Tường V và ông Trần Văn T1 vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Giấy vay tiền ngày 12/02/2023 do bà T cung cấp có cơ sở xác định bà T có cho bà V vay số tiền 330.000.000đ, thời hạn 02 năm, không có lãi. Hết thời hạn bà V không trả nên bà T khởi kiện yêu cầu buộc bà V trả số tiền này và lãi suất theo quy định là có căn cứ và phù hợp các Điều 463,

466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đang cư trú tại xã P, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Xét thấy bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt những người này.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà T thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu buộc bà V trả nợ, không yêu cầu ông T1 liên đới trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án:

[4] Bà T khởi kiện yêu cầu bà V trả số tiền nợ gốc đã vay là 330.000.000đ. Bà T cung cấp chứng cứ là Giấy vay tiền ngày 12/02/2023, có chữ ký của bà V. Bà V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến trình bày phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của bà T và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án. Theo đó có cơ sở xác định: Ngày 12/02/2023, bà V có vay số tiền 330.000.000đ của bà T, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 02 năm nên đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo Điều 463 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hết thời hạn vay, bà V vẫn không trả tiền cho bà T, do đó bà T khởi kiện yêu cầu bà V trả số tiền gốc đã vay 330.000.000đ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về tiền lãi: Bà T yêu cầu bà V trả tiền lãi từ ngày 13/3/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/7/2025 với mức lãi suất 0.83%/tháng là 11.960.300đ, tổng cộng cả gốc và lãi là 341.960.300đ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của bà T là có căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[7] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tổng cộng 10.000.000đ: Nguyên đơn không yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại

chúng, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xét thấy việc niêm yết công khai không đảm bảo cho bà V nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo nên Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bà V, bà T đã nộp tạm ứng 10.000.000đ. Do bà V vi phạm nghĩa vụ nên buộc bà V phải chịu chi phí này và hoàn trả lại cho bà T.

[8] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả lại cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Lại Thị Tường V.

Buộc bà Lại Thị Tường V phải trả cho bà Võ Thị Thanh T số tiền nợ gốc là 330.000.000đ (ba trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 13/3/2025 đến ngày 24/7/2025 với mức lãi suất 0,83%/tháng là 11.960.300đ (mười một triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, ba trăm đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 341.960.300đ (ba trăm bốn mươi một triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, ba trăm đồng).

2. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tổng cộng 10.000.000đ (mười triệu đồng): Buộc bà Lại Thị Tường V phải chịu, bà V phải hoàn trả lại cho bà Võ Thị Thanh T số tiền này.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bà Lại Thị Tường V phải chịu 17.098.015đ (mười bảy triệu, không trăm chín mươi tám nghìn, không trăm mười lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Võ Thị Thanh T số tiền 9.240.000đ (chín triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012713 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Tây Ninh).

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Tuyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Danh – Nguyễn Thị Mỹ Phương

Nguyễn Thị Thanh Tuyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bạch Huệ - Phạm Hoàng Diễm Trang

Trần Tấn Quốc

[3] Các đương sự thống nhất được các nội dung theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự như sau:

[4] - Tài sản tranh chấp yêu cầu chia thừa kế và chia tài sản chung gồm:

[5] QSDĐ thửa 147, loại đất thổ, diện tích 913m^2 (đo đạc thực tế là 913m^2), tờ bản đồ số 3; thửa 1687, loại đất lúa, diện tích 2.085m^2 (đo đạc thực tế là 1.950m^2), tờ bản đồ số 2; đều tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Các tài sản khác gồm công trình xây dựng (nhà 1, mái che 3, hồ tròn di chuyển được, giếng nước), tài sản trong nhà đã qua sử dụng (chăn dài, ghế dài, bộ ghế salon, tủ thờ, chạn thờ, tủ tivi, tủ áo, đi-văng, tủ nhỏ, giường, chạn tròn), xe máy đã qua sử dụng (xe Honda city) và cây trồng trên đất (mai vàng): Hiện do ông B đang quản lý sử dụng.

- Theo Mảnh trích đo địa chính số 853-2020 do Công ty TNHH Đ vẽ ngày 30/9/2020, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C ký duyệt ngày 05/10/2020 và bản vẽ phân khu ngày 06/4/2022 của Công ty TNHH Đ1 (đính kèm bản án này); Chứng thư thẩm định giá số Vc 20/12/04/TS-LA ngày 07/12/2020 của Công ty Cổ phần thông tin và Thẩm định giá miền N.

